

TAND HUYỆN TIÊN LŨ

TỈNH HƯNG YÊN

Bản án số: 01/2018/HSST

Ngày 06/02/2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Tuyết

2. Bà Vũ Thị Toan

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thơm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên toà:* Bà Đào Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T.L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. LƯƠNG CHUNG D, sinh năm 1985

HKTT: thôn T.T, xã T.P, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Lương Thành H (ông H được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất năm 2001) và bà Ninh Thị T (bà T được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang năm 2001); có vợ là Phạm Thị H và 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 10 năm 2014 bị Công an huyện T.L xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khoẻ người khác (đã chấp hành xong);

Bị tạm giữ từ ngày 30/9/2017, tạm giam từ ngày 06/10/2017 đến ngày 15/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn là Bảo lĩnh.

2. NINH XUÂN K, sinh năm 1986

HKTT: thôn T.K, xã T.P, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Sửa chữa xe máy; Con ông Ninh Xuân H và bà Đào Thị C; Tiền án, Tiền sự: Không

Nhân thân: Năm 2011 bị Công an thành phố H.Y xử phạt hành chính số tiền 150.000 đồng về hành vi gây mất trật tự công cộng (đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi

phạm hành chính); bị tạm giữ từ ngày 30/9/2017, tạm giam từ ngày 06/10/2017 đến ngày 15/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn là Bảo lãnh.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên toà.

- **Người bị hại:** Anh Trương Bách C, sinh năm 1983

Địa chỉ: 289 N.V. L, phường A. T, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên. *Có mặt*

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn B.T, xã Đ.H, huyện K.Đ, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt*

-**Người làm chứng:**

Chị Hoàng Thị T, anh Phạm Văn C, anh Phạm Trung T, anh Phạm Ngọc S, anh Bùi An G. *Có mặt*

Anh Phạm Văn P, anh Trần Văn T, chị Phạm Thị H, ông Đào Văn Đ, anh Hoàng Văn Đ, anh Trần Văn Đ. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Chung D và anh Đào Văn Đ, sinh năm 1980 đều ở xã T.P, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên cùng góp vốn kinh doanh mặt hàng máy khâu. Khoảng đầu tháng 9/2017 anh Đ chào hàng máy khâu cho anh Phạm Trung T, sinh năm 1981 trú tại xã T.P, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên với giá 8.500.000 đồng/1 máy. Nhưng do anh T khảo giá và biết anh Trương Bách C cũng làm nghề kinh doanh máy khâu chỉ bán với giá 8.100.000 đồng/1 máy nên sau khi thoả thuận anh Đ đã nhất trí bán 20 máy khâu cho anh T với giá 8.100.000 đồng/1 máy. D biết chuyện nên cho rằng anh C bán phá giá máy khâu làm thiệt hại đến việc kinh doanh của D.

Khoảng 11 giờ trưa ngày 27/9/2017, Lương Chung D cùng Ninh Xuân K, Phạm Văn P và Phạm Văn C uống bia tại quán nhà chị Nguyễn Thị D ở thôn T.K, xã T.P, huyện T.L. Đến khoảng 16 giờ chiều cùng ngày D phải ra bến xe Triều Dương, thuộc địa phận thôn L. S, xã T.P, huyện T.L lấy hàng nên rủ K đi cùng. Do không có xe nên D và K nhờ anh C chở giúp ra bến xe khách Triều Dương. C đồng ý đưa xe mô tô Sirius, biển số 89H1-083.30 màu đen- đỏ cho D. D điều khiển xe chở K và C đến bến xe Triều Dương, còn P thấy D đi ra bến xe nên cũng điều khiển xe mô tô đi theo giúp chở hàng. Khi đến bến xe, D nhìn thấy anh C đang ngồi uống nước ở quán nước của chị Nguyễn Thị L. D xuống xe đi vào quán nói chuyện với anh C, còn K đi ra phòng bảo vệ của bến xe, C đi vào quán nước bên cạnh của anh Trần Văn T ngồi chơi. P đến sau nhìn thấy D ngồi với C thì cũng vào quán của chị L uống nước để đợi lấy hàng. Lúc này D nói với anh C về việc bán phá giá máy khâu và hai bên xảy ra cãi nhau, to tiếng. D nói: “Cái vấn đề anh em mình làm ăn, anh bán hàng cái kiểu đấy không được. Anh lại bán phá giá. Khách đã đồng

ý với giá 8.500.000 đồng/1 máy. Tại sao anh lại chào giá 8.100.000 đồng/1 máy, để khách gọi cho bên em. Thiệt hại 20 máy khi bán là 8.000.000 đồng. Thế bây giờ anh tính thế nào?”. Anh C thấy D có vẻ say nên không trả lời. Một lúc sau anh C nói :“Việc anh bán với anh T thế nào tôi không biết, tôi chỉ biết anh T gọi cho tôi hỏi giá máy, tôi báo giá 8.100.000 đồng/1 máy và đặt cọc tiền máy cho tôi là 5.000.000 đồng. Bên xe đông người, lúc khác nói chuyện” rồi anh C đứng dậy đi về. Bực tức với thái độ của anh C, D đứng dậy đâm vào mặt anh C làm anh C ngã xuống nền quán. Nghe thấy tiếng cãi nhau C chạy sang thì thấy D cầm điều cày ở quán định đánh anh C nên xông vào giằng điều cày khỏi tay D. C và P cùng xông vào can ngăn, ôm giữ và đẩy D ra không cho D đánh anh C. Đúng lúc đó K đi vào yêu cầu anh C phải ngồi lại nói chuyện còn P và C bỏ sang quán nước nhà anh T ngồi. K nói “Anh biết tôi là ai không?”. Anh C bảo không biết. K giới thiệu “K C” và đe dọa anh C “Thế bây giờ anh tính thế nào? Anh có muốn làm ăn ở đây không”. Anh C sợ hãi xin. K nói “xin là xin thế nào”. D nói với anh C “mày bán phá giá thế này mỗi máy thiệt hại 400.000 đồng, mày phải bù cho tao 20 máy là 8.000.000 đồng”. D bảo K lấy điện thoại ra chụp biển số xe của anh C. K lấy điện thoại của K đưa cho anh C bắt anh C ra chụp ảnh biển số xe. Anh C chụp xong đưa điện thoại lại cho K thì D bỏ sang quán anh T ngồi. K dọa anh C “Anh có muốn làm ăn ở đây không”. Anh C xin “Thôi bây giờ em gửi anh 2.000.000 đồng uống nước”. Khi đó D đứng ở quán anh T nói to “phải lấy đủ 8.000.000 đồng”. K dọa “Không có tiền thì không được về đâu, phải ở đây”. Anh C xin nhưng K không đồng ý. K đi sang quán nhà anh T hỏi D “Nó làm thiệt hại của mày như thế nào, bao nhiêu tiền”. D nói “Mỗi máy là 400.000 đồng, 20 máy thì phải lấy đủ 8.000.000 đồng”. K quay lại nói với anh C “thôi tổng 8.000.000 đồng chia đôi, anh phải đưa 4.000.000 đồng đây”. Anh C nói “em không có đủ tiền”. K đe dọa “Nếu không có tiền thì phải để lại giấy tờ xe lại”. Anh C sợ hãi nhưng do chỉ có 2.500.000 đồng nên anh C vay của chị L 1.500.000 đồng để đưa đủ cho K 4.000.000 đồng. K cầm tiền rồi đưa lại cho C 200.000 đồng rồi đưa số tiền 3.800.000 đồng cho D nhưng D không cầm. K và D rủ C đến quán lẩu Đệ Nhị ở đường Nội thị 1, thị trấn V, huyện T.L, còn P sau khi can ngăn không cho D đánh anh C xong, P nghĩ có D ở bên xe lấy hàng nên đi về trước.

Tại quán ăn, D cho K số điện thoại của anh C và bảo K phải gọi cho anh C để tiếp tục đòi 4.000.000 đồng còn lại. K gọi điện cho anh C nhưng sau đó lại đồng ý không lấy thêm 4.000.000 đồng của anh C nữa. Sau khi ăn xong K trả tiền rồi bắt taxi sang Thái Bình chơi. Ngày 28/9/2017 D đã chủ động đến nhà anh C xin lỗi và trả lại cho anh C số tiền 3.800.000 đồng.

Ngày 30/9/2017, Ninh Xuân K đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.L đầu thú. Tại cơ quan điều tra bị cáo D và K thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên toà sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bị cáo D xác định, sau khi sự việc xảy ra, bị cáo K đã gọi điện thoại cho bị cáo để nhờ bị cáo đến nhà bồi thường cho anh C rồi bị cáo sẽ hoàn trả lại. Nay bị cáo không yêu cầu bị cáo K phải hoàn trả số tiền đã bồi thường cho anh C.

Người bị hại anh Trương Bách C xác định đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt và không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự. Anh đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ TNHS cho các bị cáo.

Bản cáo trạng số 01 /QĐ-VKS-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.L, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Lương Chung D và Ninh Xuân K về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trên cơ sở toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được HĐXX thẩm tra tại phiên toà, lời khai của các bị cáo đã có đủ căn cứ xác định các bị cáo phạm tội Cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS. Do đó, VKS giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Riêng phần nhân thân, lý lịch của bị cáo K, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Tại bản cáo trạng xác định bị cáo có 01 tiền sự: ngày 25/10/2011 bị cáo bị Công an thành phố H.Y xử phạt hành chính về hành vi gây mất trật tự công cộng, mức phạt 150.000đ. Ngày 07/11/2011 bị cáo bị lập biên bản không chấp hành với lý do không có tiền để nộp phạt. Tuy nhiên, sau khi ra quyết định xử phạt hành chính, Cơ quan có thẩm quyền đã không thông báo cho chính quyền địa phương nơi người vi phạm cư trú; không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt hành chính nên căn cứ khoản 2 Điều 73, khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính cần áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo K và cho bị cáo được hưởng thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tính đến thời điểm phạm tội bị cáo được coi là chưa bị xử lý hành chính, chưa có tiền sự nhưng vẫn bị xác định là người có nhân thân xấu. Do đó, đại diện VKS thay đổi, đính chính phần lý lịch bị cáo K từ “tiền sự” thành “nhân thân”. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 BLHS nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Lương Chung D từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng và buộc bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự; xử phạt bị cáo Ninh Xuân K từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm và buộc các bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo cho UBND xã T.P, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

Đối với số tiền 300.000 đồng bị cáo K nộp tại Cơ quan điều tra, do bị cáo D đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho anh C và không yêu cầu bị cáo K phải hoàn trả; người bị hại anh C không có yêu cầu đề nghị gì khác về phần trách nhiệm dân sự nên đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo K.

Chiếc điện thoại di động của K đã sử dụng để chụp biển số xe của anh C nhằm mục đích đe dọa anh C là công cụ phạm tội. Do quá trình sang Thái Bình chơi K đã làm mất nên không có cơ sở để truy tìm, quản lý. Chiếc mô tô sirius biển số 89H1-083.30 mà C cho D và K sử dụng để đi đến bến xe khách Triều Dương. Do quá trình điều tra đã xác định C không biết D và K đến bến xe để làm gì do đó không xem xét, xử lý đối với chiếc xe mô tô trên. Đối với hành vi D đánh anh Trương Bách C ở quán nước của chị L, do thương tích của anh C chỉ là thương tích nhẹ ở phần mềm nên anh C không yêu cầu đề nghị gì về dân sự và hình sự nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Bị cáo D và K nói lời sau cùng: Các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T.L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T.L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như lời khai của người bị hại anh Trương Bách C, lời khai của những người làm chứng anh Phạm Văn P, anh Phạm Văn C, chị Trần Thị L, anh Trần Văn T, chị Phạm Thị H, ông Phạm Văn Đ...nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 27/9/2017 tại bến xe khách Triều Dương thuộc địa phận thôn L. S, xã T.P, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên. Lương Chung D cùng với Ninh Xuân K có hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần anh Trương Bách C để chiếm đoạt của anh C số tiền 4.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS

năm 2015 như cáo trạng của VKSND huyện T.L truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] . Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX nhận định: Trong vụ án này các bị cáo đã đe dọa cưỡng đoạt tài sản của anh C, số tiền chiếm đoạt là 4.000.000đ, bị cáo D là người khởi xướng, còn bị cáo K là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội cầm số tiền mà các bị cáo có ý thức chiếm đoạt. Tuy nhiên, hành vi của hai bị cáo chỉ mang tính đồng phạm giản đơn. Do đó, xác định bị cáo D có vai trò chính, còn bị cáo K là người thực hành. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp đe dọa uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần thiết phải xét xử nghiêm minh trước pháp luật, dành cho bị cáo một mức hình phạt thoả đáng mới đủ sức giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm C.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với các bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo D có nhân thân xấu, vào tháng 10 năm 2014 bị Công an huyện T.L xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khoẻ người khác, đã thi hành xong tháng 10/2014. Đối với bị cáo K, năm 2011 bị Công an thành phố H.Y xử phạt hành chính số tiền 150.000 đồng về hành vi gây mất trật tự công cộng, đến ngày 11/01/2018 mới nộp tiền phạt. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy, sau khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Cơ quan có thẩm quyền đã không thông báo cho chính quyền địa phương nơi người vi phạm cư trú; không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt hành chính nên căn cứ khoản 2 Điều 73, khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính cần áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo K và cho bị cáo được hưởng thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tính đến thời điểm phạm tội đã quá 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên được coi là chưa bị xử lý hành chính nhưng vẫn phải xác định là người có nhân thân xấu. Do đó, tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T.L đề nghị thay đổi, đính chính phần lý lịch bị cáo K từ “tiền sự” thành “nhân thân” là có căn cứ, được chấp nhận.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn, hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; anh C đã có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo K đã ra đầu thú tại cơ quan Công an. Bên cạnh đó bố mẹ đẻ của bị cáo D, bố đẻ của bị cáo K đều được Chủ tịch nước tặng huân, huy chương nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích và nhận định như trên, HĐXX xét thấy các bị cáo phạm tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS, có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù. Tuy nhiên, các bị cáo đều phạm tội lần đầu, số tiền chiếm đoạt không lớn và sau khi sự việc xảy ra đều có ý thức tự nguyện bồi thường ngay cho người bị hại. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là do bùng bột nhất thời và bức tức trong việc làm ăn; các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định rõ ràng, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 BLHS. Mặc dù các bị cáo đều đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến thời điểm phạm tội đều đã quá 06 tháng theo hướng dẫn tại điểm b10 khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01 ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Các bị cáo đều có khả năng tự cải tạo nên chỉ cần xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của đời sống xã hội như đề nghị của đại diện VKSND huyện T.L tại phiên tòa hôm nay.

Đối với Phạm Văn C, Phạm Văn P có đi cùng với D và K đến bến xe nhưng C, P không biết D và K đến bến xe có việc gì. Khi xảy ra đánh nhau giữa D và C thì C, P vào can ngăn, ôm giữ đẩy D ra không cho D đánh anh C. C và P không giúp sức cho D và K đe dọa, uy hiếp tinh thần anh C để có mục đích chiếm đoạt tài sản của anh C nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với C và P.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 170 BLHS thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100.000.000đ. Xét bị cáo D mặc dù có công việc là kinh doanh buôn bán máy khâu, nhưng tại phiên tòa bị cáo trình bày mới tham gia góp vốn vào việc kinh doanh, có tháng lãi, có tháng lỗ. Theo cung cấp của chính quyền địa phương, gia đình thì bị cáo không có tài sản riêng và là lao động chính trong gia đình có hai con còn nhỏ, lớn mới 20 tháng, nhỏ 03 tháng, vợ bị cáo không có việc làm, không có thu nhập; bị cáo K tuy làm nghề sửa chữa xe máy nhưng thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo D đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt 3.800.000đ cho anh C, anh C không có yêu cầu đề nghị gì khác nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền 300.000 đồng mà bị cáo K giao nộp cho cơ quan Điều tra, xét thấy đây là số tiền có được do thực hiện hành vi phạm tội nhưng bị cáo D đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và không yêu cầu bị cáo K phải hoàn trả số tiền mà mình đã bồi thường thay nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo D, không buộc bị cáo K phải hoàn trả và không tịch thu sung công

quỹ nhà nước số tiền trên mà sẽ trả lại cho bị cáo K theo hướng dẫn tại tiểu mục 7, mục I Công văn giải đáp số 01/2017 ngày 07/4/2017 của Toà án nhân dân tối cao.

Đối với chiếc điện thoại di động của K đã sử dụng để chụp biển số xe của anh C nhằm mục đích đe dọa anh C là công cụ phạm tội. Do quá trình sang Thái Bình chơi K đã làm mất nên không có cơ sở để truy tìm, quản lý; Đối với chiếc mô tô sirius biển số 89H1-083.30 mà C cho D và K sử dụng để đi đến bến xe khách Triều Dương. Do quá trình điều tra đã xác định C không biết D và K đến bến xe để làm gì do đó không xem xét, xử lý đối với chiếc xe mô tô trên là hợp lý.

Đối với hành vi D đánh anh Trương Bách C ở quán nước của chị L, do thương tích của anh C chỉ là thương tích nhẹ ở phần mềm nên anh C không yêu cầu đề nghị gì về dân sự và hình sự nên không xem xét giải quyết.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về tội danh, mức hình phạt đối với các bị cáo và các vấn đề khác là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Từ những nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lương Chung D và Ninh Xuân K phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 điều 170; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự

2. Xử phạt: Bị cáo Lương Chung D 01 năm tù 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

3. Xử phạt bị cáo Ninh Xuân K 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo D, bị cáo K cho UBND xã T.P, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

4. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

5. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lương Chung D đã bồi thường số tiền 3.800.000đ cho anh C và không yêu cầu bị cáo Ninh Xuân K phải hoàn trả. Trả lại bị cáo K số tiền 300.000đ đã nộp tại Công an huyện T.L theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Công an huyện T.L tại Kho bạc Nhà nước huyện T.L ngày 13/11/2017.

6. Về án phí: Bị cáo Lương Chung D và Ninh Xuân K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bị hại; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho các bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện T.L
- Chi cục THADS huyện T.L
- CQCSĐT Công an huyện T.L;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

